

Mạo Khê, ngày 01 tháng 09 năm 2021

CÔNG KHAI

Cơ sở vật chất nhà trường năm học 2021-2022

1. Cơ sở vật chất

A. Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra		Hiện trạng	Đánh giá đạt/không đạt mức độ tối thiểu hoặc mức độ 1, 2 theo TT 13/2020/TT- BGDDT
		Kiên cố	Bán kiên cố		
- Phòng Hiệu trưởng	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng Phó hiệu trưởng	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng giáo viên (<i>phòng chờ tiết của GV</i>)	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Văn phòng, phòng họp, phòng HĐ sư phạm	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng y tế học đường	01		01	Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng nhân viên (văn thư, kế toán, thủ quỹ)	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng thường trực (<i>dành cho NV bảo vệ</i>)	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
B. Khối phòng học, phòng bộ môn					
- Phòng học văn hoá	40	38	02	Sử dụng tốt	- 38 phòng đạt mức độ 2 - 02 phòng đạt mức tối thiểu
- Phòng bộ môn Ngoại ngữ	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng bộ môn Tin học	02	02	0	Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng bộ môn Âm nhạc		0	0	Học trên phòng học văn hóa	Không đạt
- Phòng bộ môn Mỹ thuật		0	0	Học trên phòng học văn hóa	Không đạt
- Phòng học đa chức năng		01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
C. Khối phòng phục vụ học tập					
- Thư viện (<i>gồm đủ: phòng đọc, để sách</i>)	01	01		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Phòng thiết bị giáo dục	01		01	Sử dụng tốt	Không đạt
- Phòng Đoàn Đội	01		01	Sử dụng tốt	Đạt mức độ tối thiểu
- Phòng truyền thống	01		01	Sử dụng tốt	Đạt mức độ tối thiểu
- Nhà tập đa năng (nhà giáo dục thể chất)	01		01	Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
D. Khối công trình công cộng					
- Nhà để xe giáo viên	01			Nhà tạm	Đạt mức độ tối thiểu
- Nhà để xe học sinh	01			Nhà tạm	Đạt mức độ tối thiểu
E. Khối nhà vệ sinh					
- Khu nhà vệ sinh giáo viên	02	02		Sử dụng tốt	Đạt mức độ 2
- Khu nhà vệ sinh học sinh	03	03		Sử dụng tốt	Đạt mức độ tối thiểu

2. Thiết bị , đồ dùng phục vụ quản lí, dạy và học

1. Thiết bị phục vụ quản lí, giảng dạy	Số lượng	Số lượng đang sử dụng		
<i>*Tổng số máy vi tính đang được sử dụng</i>				
Chia ra: - Máy vi tính phục vụ học tập	153	153		
- Máy vi tính phục vụ quản lý	07	07		
Trong đó: Máy vi tính đang được nối Internet	160	160		
<i>*Số máy photocopy</i>	01	01		
<i>*Số máy scanner</i>	01	01		
<i>*Số máy in</i>	47	47		
2. Số thiết bị nghe nhìn, hạ tầng mạng				
Trong đó: - Tivi	39	39		
- Loa kéo di động	03	03		
- Loa bluetooth (dạy Âm nhạc và Tiếng Anh)	04	04		
- Bảng tương tác	08	08		
- Bục giảng thông minh	10	0		
- Máy chiếu	11	- 08 máy đang sử dụng, - (03 máy của PHTM đã hỏng)		
- Máy chiếu vật thể	10	10		
- Máy tính bảng.	235	61		
- Hệ thống mạng cáp quanng	02			
Thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: bộ)	Số lượng thiết bị dạy học tối thiểu (tổng các môn học)	Số lượng đang sử dụng	Số lượng hỏng	Ghi chú
- Số bộ TBTT dùng cho Khối lớp 1	1919	1919	0	- Thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT
- Số bộ TBTT dùng cho Khối lớp 2	0	0	0	- Chưa được cấp phát mới
- Số bộ TBTT dùng cho Khối lớp 3	416			- Thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT
- Số bộ TBTT dùng cho Khối lớp 4	495			
- Số bộ TBTT dùng cho Khối lớp 5	523			

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Hồng Việt